

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST
Ngày 27-10-2021
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tán Nghị

Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Mai Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2021/TLST -HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Phước H, sinh năm 1990

Địa chỉ: 2, xã Hòa S, huyện Hòa V, TP. Đà Nẵng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kiều D – Luật sư của Văn phòng luật sư V – Chi nhánh Đà Nẵng thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 31, phường Hòa N, quận Liên C, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc D, sinh năm 1974

Địa chỉ: 2, xã Hòa S, huyện Hòa V, TP. Đà Nẵng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Ngọc C – Luật sư của Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: Số 44, quận Hải C, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hồ Thị Phước H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Phước H xác định, bà với ông Trần Ngọc D kết hôn năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại 2,

xã Hòa S, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, ông D là người bạo lực, ghen tuông, không tôn trọng bà H và đánh đập bà, ông D không quan tâm chăm sóc vợ con, cuộc sống hôn nhân bế tắc, không tìm được tiếng nói chung. Nay bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn với ông Trần Ngọc D.

- *Về con chung*: Bà H xác định, bà với ông D có hai con chung là cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 28/01/2014 và cháu Trần Ngọc D P, sinh ngày 18/5/2017. Ly hôn, bà H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi hai con.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có.

Tại Bản tự khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Ngọc D trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông D xác định, ông với bà Hồ Thị Phước H kết hôn năm kết hôn năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống chung tại 2, xã Hòa S, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung. Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng có vấn đề vào khoảng tháng 02 năm 2021 đến nay, nguyên nhân là do bà H nhiều lần nói dối ông về việc đi làm nH không hề đi làm mà là đi với một người đàn ông khác. Bà H thừa nhận và ông cũng đã bỏ qua cho bà H để vợ chồng về chung sống với nhau cùng nhau chăm sóc con cái. NH đến đầu tháng 4 năm 2021, bà H xin được việc ở một ngôi trường mới và cần chuẩn bị cho công tác hoạt động, nhiều lần bà H nói là bận đi chơi với trường nH thực tế là không có và có người báo cho ông biết là bà H đi với một người đàn ông khác. Mặc dù như vậy, nH vì con cái, ông D còn thương yêu bà H nên đề nghị Tòa án cho vợ chồng được đoàn tụ.

Tại phiên tòa, ông D cho rằng nếu bà H đã cương quyết xin ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà H.

- *Về con chung*: Ông D xác định, ông với bà Hồ Thị Phước H có hai con chung là cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 28/01/2014 và cháu Trần Ngọc D P, sinh ngày 18/5/2017. Quá trình giải quyết vụ án, ông D xin đoàn tụ nên không yêu cầu giải quyết về con chung, nH cho rằng nếu bà H cương quyết xin được ly hôn thì ông D xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con với lý do: Trong thời gian bà H có những biểu hiện lạ, thì một tay ông chăm sóc con, lo lắng cho các con. Mặt khác, bà H không có công việc để nuôi sống bản thân và không nơi cư trú ổn định.

Tại phiên tòa, ông D cho rằng đã thống nhất ly hôn nên khi giải quyết ly hôn, ông không được nuôi hai con thì cũng phải được nuôi một con là cháu Trần Ngọc D P, sinh ngày 18/5/2017 và giao cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 28/01/2014 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải nuôi dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Hồ Thị Phước H là Luật sư Nguyễn Thị Kiều D trình bày, thống nhất với ý kiến của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Trần Ngọc D là Luật sư Nguyễn Ngọc C trình bày, thống nhất với ý kiến của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Phước H đối với ông Trần Ngọc D với các nội dung cụ thể sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Hồ Thị Phước H với ông Trần Ngọc D.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung là cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 28/01/2014 và cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 28/01/2014 cho bà Hồ Thị Phước H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi lần lượt các con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà H không yêu cầu nên không đề cập đến.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà H và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

4. Án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà Hồ Thị Phước H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

Về tố tụng: Bà Hồ Thị Phước H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng thụ lý giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung đối với bị đơn ông Trần Ngọc D; trú tại: 2, xã Hòa S, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của bà H là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội H:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Phước H và ông Trần Ngọc D xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế vào năm 2013 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn thì thấy:

[1.1] Bà H cho rằng, quá trình chung sống thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, ông D là người bạo lực, ghen tuông, không tôn trọng bà H và đánh đập bà; ông D không quan tâm chăm sóc vợ con, cuộc sống hôn nhân bế tắc, không tìm được tiếng nói chung. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn với ông Trần Ngọc D.

[1.2] Ông D cho rằng, quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung. Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng có vấn đề vào khoảng tháng 02 năm 2021 khi bà H nhiều lần nói dối ông về việc đi làm nH không hề đi làm mà là đi với người đàn ông khác. Bà H thừa nhận và ông cũng đã bỏ qua cho bà H để vợ chồng về chung sống với nhau cùng nhau chăm sóc con cái. NH đến đầu tháng 4 năm 2021, bà H xin được việc ở một ngôi trường mới và cần chuẩn bị cho công tác hoạt động, nhiều lần bà H nói là bạn đi chơi với trường nH thực tế là không có đi và có người báo cho ông biết là bà H đi với người đàn ông khác. Mặc dù như vậy, nH vì con cái, ông D còn thương yêu bà H nên đề nghị Tòa án cho vợ chồng được đoàn tụ. Tại phiên tòa, do bà H cương quyết xin ly hôn nên ông D cũng đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, sau kết hôn cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông D lúc đầu hạnh phúc thể hiện hai người đã sinh được hai con chung, nH sau đó đã xảy ra mâu thuẫn, chính ông D và bà H đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là do ghen tuông, ông D nghi ngờ bà H không chung thủy dẫn đến vợ chồng có xô xát, không còn tôn trọng nhau, cuộc sống rơi vào bế tắc, hai người không tìm được tiếng nói chung, mặc dù hai người còn sống chung một nhà nH mọi việc của người nào người đó tự lo, hiện bà H xác định không còn thương yêu ông D. Ông D xác định còn tình cảm và xin được đoàn tụ, nH không đưa ra được P án hàn gắn tình cảm, Tòa án cũng đã tạo điều kiện hòa giải nhiều lần nH bà H vẫn cương quyết xin ly hôn và đề nghị Tòa án không hòa giải nữa; tại phiên tòa ông D cũng chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của bà H. Qua xác minh tại chính quyền địa P cho thấy, địa P không tiếp nhận thông tin về mâu thuẫn của vợ chồng ông D, bà H, chỉ nghe phong phanh bà H có quan hệ ngoài vợ ngoài chồng với người đàn ông khác.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy giữa bà H và ông D không có đời sống hôn nhân thực sự hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được, giữa vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, ông D cũng thống nhất thuận tình ly hôn theo yêu cầu của bà H. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hồ Thị Phước H và ông Trần Ngọc D.

[2] Về con chung: Bà H và ông D xác nhận, vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 28/01/2014 và cháu Trần Ngọc D P, sinh ngày 18/5/2017.

Ly hôn, cả bà H và ông D đều xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến khi đủ 18 tuổi.

Xét nguyện vọng của bà H và ông D thì thấy: Cả bà H và ông D đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung cũng như có quyền nuôi con; đồng thời, bà H và ông D đều có điều kiện để nuôi con, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, nguyện vọng xin nuôi con của bà H và ông D đều chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con, ông D và bà H có hai con chung, cả ông D và bà H đủ điều kiện để nuôi con, thiết nghĩ không thể giao hai con cho một bên mẹ hay cha trực tiếp nuôi dưỡng được mà giao cho một người nuôi một đứa là phù hợp hơn. Hiện cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 28/01/2014 là con gái đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với bà H nên giao cho bà H nuôi dưỡng; cháu Trần Ngọc D P, sinh ngày 18/5/2017 là con trai nên giao cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, do giao cho mỗi người nuôi một con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Bà H và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà H và ông D xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà Hồ Thị Phước H phải chịu theo quy định.

[6] *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Hồ Thị Phước H là Luật sư Nguyễn Thị Kiều D trình bày thống nhất với ý kiến của nguyên đơn, cụ thể:*

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà H với ông D.

Về con chung: Xác định ông D, bà H có hai con chung. Ly hôn, yêu cầu Tòa án giao hai con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi hai con.

Về tài sản chung: Bà H và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà H, ông D không có nợ chung.

[7] *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Trần Ngọc D là Luật sư Nguyễn Ngọc C trình bày thống nhất với ý kiến của bị đơn, cụ thể:*

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà H với ông D.

Về con chung: Xác định ông D, bà H có hai con chung. Ly hôn, yêu cầu Tòa án giao hai con cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng; trường hợp Hội đồng xét xử không

chấp nhận cho ông D nuôi hai con thì xin được nuôi một con là cháu Trần Ngọc D P, sinh ngày 18/5/2017 và giao cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 28/01/2014 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà H, ông D không có nợ chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, các ý kiến của luật sư bảo vệ cho nguyên đơn và bị đơn trùng với ý kiến của nguyên đơn, bị đơn đã được Hội đồng xét xử đánh giá, phân tích ở trên nên không phải đánh giá lại.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng đề nghị phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 55; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, Điều 266 và Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Phước H đối với ông Trần Ngọc D về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hồ Thị Phước H và ông Trần Ngọc D.

[2] Về quan hệ con chung:

Giao con chung Trần Ngọc L, sinh ngày 28/01/2014 cho bà Hồ Thị Phước H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Giao con chung Trần Ngọc D P, sinh ngày 18/5/2017 cho ông Trần Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do mỗi người nuôi một con nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Bà Hồ Thị Phước H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà H đã nộp tại biên lai thu số 0008311 ngày 18/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Bà H đã nộp đủ án phí.

[6] Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 27/10/2021.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Anh